TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 9-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thế Công
2. Bà Trần Thế Yên.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hải Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: Ông Lương Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/8/2023 và Thông báo mở lại phiên toà số: 25/ 2023/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Gi, sinh năm 1985; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Đ. Đ, sinh năm 1977, vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ 9, T.T YB, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đ. Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái vào ngày 01/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do Anh Đ đi làm ăn xa nhà, thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, ngoài ra còn chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, không gửi tiền về để nuôi con, hai vợ chồng tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nay chị Gi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với Anh Đ.

Về con chung: Giữa chị và anh Phạm Đ. Đ có 02 con chung là cháu Phạm Đ.T, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Phạm T.V, sinh ngày 14/12/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo các văn bản tố tụng cho Anh Đ, nhưng Anh Đ không có mặt tại Toà án và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt của đương sự và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2023 tại địa phương và gia đình nơi chị Gi và Anh Đ sinh sống, thì ông Phạm Đ.P là bố đẻ của anh Phạm Đ. Đ cung cấp thông tin: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị Gi trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại địa phương, ở cùng bố mẹ chồng rất hoà thuận, đến khoảng năm 2011 thì Anh Đ quay trở lại Hà Nội làm việc, vợ chồng sống xa nhau, chị Gi vẫn sống cùng bố mẹ chồng tại địa phương, vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được vì Anh Đ, chị Gi không nói. Đến tháng 5/2023 chị Gi xin phép bố mẹ chồng ra ở riêng, sau đó làm đơn lên Toà án để giải quyết ly hôn, gia đình cũng khuyên bảo chị Gi nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy con nhưng chị Gi không có ý kiến gì. Nhiều lần Toà án gửi các văn bản tố tụng cho Anh Đ thì gia đình đều nhận được và thông báo cho Anh Đ biết, Anh Đ có về nhà để giải quyết nhưng không đến Toà án vì Anh Đ có quan điểm không muốn ly hôn nên không đến Toà án.

Về con chung: Chị Gi và Anh Đ có 02 con chung là cháu Phạm Đ.T, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Phạm T.V, sinh ngày 14/12/2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Gia đình không nắm rõ nên không cung cấp được thông tin.

Nay chị Gi có đơn xin ly hôn. Gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Gi được ly hôn với bị đơn anh Phạm Đ. Đ .

+ Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phạm Đ.T, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Phạm T.V, sinh ngày 14/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 2 cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi thay đổi theo qui định của pháp luật. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Gi phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Anh Phạm Đ. Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, T.T YB, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được thông báo hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Gi và anh Phạm Đ. Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 01/12/2008, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị Gi xác định không có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng thông báo cho Anh Đ đến Toà án để hoà

giải nhưng Anh Đ vắng mặt không có lý do, thể hiện Anh Đ không có thiện chí muốn hoà giải, và không có biện pháp nào để khắc phục nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do đó đề nghị ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Gi đưa ra là có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Gi và Anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị Thu Gi được ly hôn với anh Phạm Đ. Đ.

[3] Về con chung: Chị Gi và Anh Đ có hai con chung là cháu Phạm Đ.T, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Phạm T.V, sinh ngày 14/12/2015. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị Gi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện tại chị Gi làm công chức nhà nước, có việc làm và thu nhập ổn định, mặt khác hai cháu cũng đều có nguyện vọng ở với mẹ. Để bảo đảm quyền lợi của hai cháu, xét cần giao hai con chung là cháu Phạm Đ.T, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Phạm T.V, sinh ngày 14/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu Gi trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật. Anh Phạm Đ. Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Gi phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Đ. Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Nhận định của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Gi được ly hôn anh Phạm Đ. Đ.

2. Giao hai con chung là cháu Phạm Đ.T, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Phạm T.V, sinh ngày 14/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu Gi trực tiếp nuôi dưỡng

chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

Anh Phạm Đ. Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Gi phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2022/0000669 ngày 08-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Chị Gi đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu Gi và anh Phạm Đ. Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Đều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- VKS ND huyện Yên Bình
- Chi cục THADS huyện Yên Bình.
- Các đương sự
- UBND T.T YB.
- Lưu hs, TA

Đã Ký

Hoàng Kim Sơn